BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 128 /TB-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo theo định hướng CDIO

Tiếp theo các công văn số 126/TB-MĐC, 358/TB-MĐC, 605/TB-MĐC về việc rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo.

Căn cứ kết luận của HĐKH&ĐT Nhà Trường ngày 06/3/2020

Nhà trường đề nghị các đơn vị:

1. Rà soát và bổ sung đầy đủ thông tin của tất cả các học phần thuộc **khoa quản lý** (**Mẫu 1**)
2. Cập nhật thông tin đề cương chi tiết từng học phần đối với các học phần đầu 7 thuộc khoa quản lý (**Mẫu 2**)
3. Cập nhật lại bảng so sánh chương trình đào tạo 4 năm với 5 năm theo từng chuyên ngành của khoa chuyên ngành. (**Mẫu 3**)
4. Chuẩn hóa chuẩn đầu ra cho từng ngành đào tạo đối với Chương trình đào tạo 4 năm (**Mẫu 4**)
5. Rà soát chương trình đào tạo 4 năm và đưa ra định hướng chọn học phần tự chọn của các nhóm tự chọn đối với từng ngành thuộc Khoa quản lý (**CTDT_4 nam ra soat, định hướng Tự chọn A, B, C**)
6. Hoàn thiện bộ chương trình đào tạo hoàn chỉnh. **(Mẫu 5)**
7. Bổ sung sơ đồ trình tự các học phần theo đặc thù của ngành/ chuyên ngành, học phần học trước, sau…(**Mẫu 6)**
8. Nộp phòng Đào tạo Đại học trước **17h ngày 10/04/2020** (Bản giấy gửi A. Dũng – Phòng C2.02, File mềm gửi về email: *nguyenquocdung@humg.edu.vn*)

Chú ý:

- Đề cương chi tiết: DC_Mã học phần. docx (Ví dụ: **DC_7010102.docx**)
- Chuẩn đầu ra: CDR_Mã số ngành.docx (Ví dụ: **CDR_7520216.docx**)
- Phòng Đào tạo Đại học chỉ nhận dữ liệu từ Khoa; Khoa có trách nhiệm tổng hợp từ các bộ môn liên quan. Bản cứng nộp có đầy đủ chữ ký.
- Hội đồng Khoa học Khoa chịu trách nhiệm trước Nhà trường về tính chính xác của chương trình.
- Trong **Mẫu 5** phần Mô tả tóm tắt nội dung học phần cần phải đầy đủ tất cả các học phần theo chương trình đào tạo của từng ngành

Đề nghị các Khoa nghiêm túc thực hiện đúng thời hạn ./.

Nơi nhận:
- BGH (để b/c);
- Thông báo bảng tin, Website ĐTĐH;
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(8).

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Bùi Xuân Nam

I. Hướng dẫn cập nhật thông tin chi tiết từng học phần

- File mẫu thao tác: ***Mẫu 1***
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng dòng dữ liệu theo từng cột thông tin trong file mẫu có sẵn (Tên học phần tiếng anh, Học phần tiên quyết, học phần trước, học phần song hành, Phân bổ tiết)
- Riêng phần các học phần tiên quyết, song hành, học trước: Mã học phần và tên học phần có thông tin trong file DMMH-ToanTruong.xlsx, Nếu điều kiện là nhiều môn thì nhập lần lượt và ngăn cách giữa các môn bằng ký tự (;)

II. Hướng dẫn cập nhật đề cương chi tiết từng học phần

- File mẫu thao tác: ***Mẫu 2***
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng mục theo mẫu
- Riêng phần số tín chỉ học phần lưu ý: đối với học phần 2 tín chỉ học trong 8 tuần, 3 tín chỉ trở lên học trong 16 tuần

III. Hướng dẫn so sánh chương trình đào tạo 4 năm với 5 năm

- File mẫu thao tác: ***Mẫu 3***
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng mục theo mẫu
- Khi so sánh 2 chương trình 4 năm và 5 năm của 1 chuyên ngành với nhau sẽ có

a. Phần giống nhau, tương đương, thay thế

TT	Chương trình đào tạo 4 năm			Chương trình đào tạo 5 năm		
	Mã môn	Tên môn	Số tín chỉ	Mã môn	Tên môn	Số tín chỉ
2	7010102	Đại số tuyến tính	4	4010101	Đại số	3
3	7010103	Giải tích 1	4	4010102	Giải tích 1	4
4	7010104	Giải tích 2	4	4010103	Giải tích 2	3

b. Phần có ở CTĐT 4 năm mà không có ở CTĐT 5 năm

TT	Chương trình đào tạo 4 năm			Chương trình đào tạo 5 năm		
	Mã m	Tên môn	Số tín c	Mã m	Tên môn	Số tín chỉ
7	7090221	Ngoại ngữ chuyên ngành	3			
8	7090222	Nhập môn điều khiển thông minh	3			
9	7070209	Quản lý dự án công nghiệp	3			
10	7090224	SCADA	3			
11	7090225	Thí nghiệm	2			

c. Phần có ở CTĐT 5 năm mà không có ở CTĐT 4 năm

TT	Chương trình đào tạo 4 năm			Chương trình đào tạo 5 năm		
	Mã m	Tên môn	Số tín c	Mã m	Tên môn	Số tín chỉ
				4090107	An toàn điện	2
				4090125	Nhà máy điện	2
				4090126	Cơ sở cung cấp điện	2
				4090224	Phương pháp lập trình CNC	2

IV. Hướng dẫn cập nhật thông tin chuẩn đầu ra từng ngành

- File mẫu thao tác: ***Mẫu 4***
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng mục theo mẫu

- *Lưu ý: Mã số ngành có trong quyết định ban hành chương trình đào tạo số 830 ngày 29/6/2018*

V. Rà soát chương trình đào tạo 4 năm

- File thao tác: **CTDT_4 năm ra soat**
- Mở file và tìm đến bảng tính theo mã số ngành đào tạo, Kiểm tra và ghi chú các thông tin không hợp lý cần điều chỉnh tương ứng vào cột Ghi chú.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 318 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy trình mở mới và rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học

Căn cứ quyết định số 16/2018/QĐ-MĐC ngày 05/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo

Căn cứ Nghị quyết 112/NQ-ĐU ngày 30/12/2020 nghị quyết chuyên đề về tăng cường xây dựng chương trình đào tạo và tuyển sinh đáp ứng nhu cầu xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng Trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy trình mở mới và rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Hiệu trưởng (để b/cáo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04)

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Bùi Xuân Nam

	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**	Mã hiệu Lần ban hành	QT. XDCTDT
		Ngày ban hành Số trang	

QUY TRÌNH
XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Người lập				
Người kiểm tra				
Người phê duyệt				

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI

STT	LẦN SỬA	TRANG SỬA	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	NGÀY SỬA

MỤC LỤC

1. Mục đích 3
2. Phạm vi 3
3. Tài liệu viện dẫn 3
4. Định nghĩa.....3
5. Nội dung xây dựng CTĐT 4
5.1 Các bước xây dựng CTĐT 4
5.2 Mô tả nội dung các bước xây dựng CTĐT.....5
5.2.1 Bước 1: Khảo sát nhu cầu.....5
5.2.2 Bước 2: Xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra 5
5.2.3 Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức 5
5.2.4 Bước 4: Đối chiếu, so sánh chương trình đào tạo 5
5.2.5 Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết học phần.....5
5.2.6 Bước 6: Xây dựng ma trận phát triển kiến thức, kỹ năng, Chuẩn đầu ra ..6
5.2.7 Bước 7: Tổ chức hội thảo, lấy ý kiến 6
5.2.8 Bước 8: Hội đồng Khoa chuyên môn thẩm định.....6
5.2.9 Bước 9: Trình hội đồng khoa học đào tạo trường 7
6. Hồ sơ xây dựng CTĐT 7
7. Nội dung rà soát, cập nhật chương trình đào tạo 10
7.1 Các bước rà soát, cập nhật CTĐT 10
7.2 Mô tả nội dung các bước rà soát, cập nhật CTĐT.....10
8. Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT 11

1. Mục đích

Qui trình qui định các bước khi triển khai ngành học mới; các bước rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học theo đúng yêu cầu, trình tự, phù hợp với quy định hiện hành.

2. Phạm vi

Qui trình áp dụng cho công tác mở ngành đào tạo và công tác quản lý chương trình đào tạo tại Nhà trường.

3. Tài liệu viện dẫn

Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Luật 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học

4. Định nghĩa

- Bộ GD&ĐT: Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- BGH: Ban Giám hiệu
- ĐTĐH: Phòng Đào tạo Đại học
- HCTH: Phòng Hành chính - Tổng hợp
- KHTC: Phòng Kế hoạch Tài chính
- CTĐT: Chương trình đào tạo
- HP: Học phần

5. Nội dung xây dựng CTĐT

5.1 Các bước xây dựng CTĐT

Bước	Tiến trình	Thực hiện	Hồ sơ công việc
1	Khảo sát nhu cầu	Khoa chuyên môn	- Khảo sát - Tổng hợp kết quả khảo sát
2	Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra	Khoa chuyên môn	- Chuẩn đầu ra - Tờ trình
3	Xác định cấu trúc, KL kiến thức cần thiết của	TCCB, Khoa chuyên môn	- Qđ tổ soạn thảo - Xác định cấu trúc, KL kiến thức
4	Đối chiếu, so sánh chương trình đào tạo trong và ngoài nước	Tổ soạn thảo	- So sánh đối chiếu CTĐT
5	Thiết kế đề cương chi tiết học phần,	Tổ soạn thảo, Bộ môn, Khoa chuyên môn	- Đề cương chi tiết - Biên bản HT – BM - Biên bản HT - KH
6	Xây dựng ma trận phát triển kiến thức, kỹ năng	Tổ soạn thảo, Khoa chuyên môn	- Ma trận chuẩn đầu ra, phát triển kiến thức, kỹ năng
7	Tổ chức hội thảo lấy ý kiến	Tổ soạn thảo, Khoa chuyên môn, ĐBCLGD	- Phiếu TĐG điều kiện mở ngành - Phiếu nhận xét đk mở ngành
8	Hội đồng Khoa chuyên môn thẩm đinh	Tổ soạn thảo, Khoa chuyên môn	- BB hội đồng thẩm định - Phiếu thẩm định - QĐ thành lập HĐ thẩm định - -Biên bản kiểm tra điều kiện thực tế
9	Nộp CTĐT hoàn chỉnh trình HĐKH ĐT Trường	Khoa, Phòng Đào tạo Đại học	- Chương trình đào tạo - Chuẩn đầu ra - Đề cương chi tiết

5.2 Mô tả nội dung các bước xây dựng CTĐT

5.2.1 Bước 1: Khảo sát nhu cầu

Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp;

5.2.2 Bước 2: Xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra

Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

5.2.3 Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức

Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập tổ soạn thảo chương trình đào tạo (sau đây gọi là Tổ soạn thảo) trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa để thực hiện xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, năng lực, kĩ năng, phẩm chất đạo đức. sản phẩm của bước này là *Dự thảo chương trình đào tạo lần 1*.

Thành phần Tổ soạn thảo là những người am hiểu về ngành đào tạo và có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo bao gồm: Đại diện đơn vị chuyên môn liên quan, đại diện phòng đào tạo, một số giảng viên đúng ngành đào tạo, một số nhà khoa học, chuyên gia giáo dục trong và ngoài nước, các thành phần liên quan khác theo yêu cầu của ngành đào tạo và đại diện một số doanh nghiệp/cơ quan sử dụng lao động thuộc ngành.

Hiệu trưởng quyết định tiêu chuẩn, số lượng thành viên tham gia Tổ soạn thảo.

5.2.4 Bước 4: Đối chiếu, so sánh chương trình đào tạo

Tổ soạn thảo thảo luận thiết kế phiếu điều tra khảo sát, xác định thông tin cần thu thập, các đối tượng và thời gian điều tra khảo sát, dự toán kinh phí điều tra khảo sát, tập huấn, tiến hành điều tra thử và điều chỉnh phiếu điều tra và tiến hành điều tra khảo sát các nhóm đối tượng có liên quan. Trên cơ sở xử lí phiếu điều tra và thông tin liên quan. Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài hoàn thiện chương trình đào tạo để xây dựng *Dự thảo chương trình đào tạo lần 2*.

5.2.5 Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết học phần

Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đòa tạo đã xác định. Tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra cho từng môn học trong *Dự thảo chương trình đào tạo lần 2* theo chuẩn đài ra của chương trình đào tạo theo trình tự sau:

- Tổ chức hội thảo về xây dựng chuẩn đầu ra cho các môn học trong chương trình.

- Xây dựng chuẩn đầu ra cho từng môn học trên cơ sở chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Tổ chức họp Hội đồng Khoa/Bộ môn chuyên môn đánh giá chuẩn đầu ra các môn học. Căn cứ vào điều kiện đặc thù của mình, các Khoa/Bộ môn xác định chuẩn đầu ra cho từng ngành đào tạo, chuẩn đầu ra của từng môn học để hoàn thiện chương trình đào tạo nhằm đáp ứng cao nhu cầu xã hội.
- Tổ chức điều chỉnh chuẩn đầu ra theo kết luận của Hội đồng Khoa/Bộ môn chuyên môn.

Kết quả của bước này là *Chuẩn đầu ra tích hợp từ chuẩn đầu ra các môn học* của chương trình đào tạo đề xuất.

5.2.6 Bước 6: Xây dựng ma trận phát triển kiến thức, kỹ năng, Chuẩn đầu ra

Xây dựng *Ma trận phát triển kiến thức, kĩ năng* hay *trình tự đào tạo các môn học* hay *lược đồ phát triển kiến thức, kĩ năng*. Hội đồng khoa xác định trình tự thực hiện các khối kiến thức và các môn học đạt chuẩn đầu ra một cách tối ưu. Trình tự các môn học mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kĩ năng và phẩm chất đạo đức qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều môn học trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo. Sản phẩm của các bước này là *Ma trận phát triển kiến thức, kĩ năng ứng với trình tự thực hiện các môn học đã xác định*. Kết quả tổng hợp của ma trân chuẩn đầu ra này giúp xác định trình tự phát triển các kiến thức, kĩ năng, phẩm chất đạo đức và năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn và là cơ sở để hoàn thiện *Dự thảo chương trình đào tạo lần 2*.

5.2.7 Bước 7: Tổ chức hội thảo, lấy ý kiến

Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về chương trình đào tạo và hoàn thiện chương trình đào tạo nói trên. Sản phẩm bước này là *Dự thảo chương trình đào tạo lần 3*.

5.2.8 Bước 8: Hội đồng Khoa chuyên môn thẩm định

Hội đồng Khoa của Khoa chuyên môn thẩm định góp ý hoàn chỉnh, đối chiếu chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra, các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và rà soát các nguồn lực, phân tích hiệu quả kinh tế xã hội, hoạch toán chương trình với việc định vị nghề nghiệp của sản phẩm đào tạo.

Hội đồng kiểm tra điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện xác nhận những thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu, các điều kiện về cơ sở vật chất, thư viện, trang thiết bị của Trường Đại học Mỏ - Địa chất là đúng sự thật và đáp ứng được yêu cầu mở ngành.

Sản phẩm của bước này là *Chương trình đào tạo hoàn chỉnh*.

5.2.9 Bước 9: Trình hội đồng khoa học đào tạo trường

Trưởng Khoa trình/nộp chương trình đào tạo hoàn chỉnh thông qua phòng Đào tạo Đại học làm đầu mối để trình Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng

6. Hồ sơ xây dựng CTĐT

TT	Tên hồ sơ	Nơi lưu	Hình thức lưu	Thời gian lưu	Biểu mẫu
1	Phiếu khảo sát yêu cầu đào tạo và nhu cầu nhân lực	ĐTĐH, Khoa, DBCL	Văn bản	5 năm	Mau 1_Buoc 1_Phieu_Khao_sat_Nhu_cau
2	Bảng tổng hợp kết quả khảo sát yêu cầu đào tạo và nhu cầu nhân lực	ĐTĐH, Khoa, DBCL	Văn bản	5 năm	Mau 2_Buoc 1_Tong_hop_ Ket_qua_KSat
3	Bảng thống kê đơn vị/ cá nhân lấy phiếu khảo sát	ĐTĐH, Khoa, DBCL	Văn bản	5 năm	Mau 3_Buoc 1_Tong_hop_khao_sat
4	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 4_Buoc 2_Chuan_dau_ra
5	Tờ trình đăng ký mở ngành	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 5_Buoc 2_To_trinh
6	Quyết định thành lập tổ soạn thảo	ĐTĐH, Khoa, TCCB	Văn bản	5 năm	Mau 6_Buoc 3_QD_To_soan_thao
7	Bảng xác định cấu trúc và khối lượng kiến thức	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 7_Buoc 3_XD_cau_truc_va_KL
8	Bảng so sánh, đối chiếu CTĐT trong và ngoài nước	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 8_Buoc 4_SS_doi_chieu_CTDT
9	Biên bản hội thảo cấp bộ môn	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 9_Buoc 5_ BB_cap_BM

10	Biên bản hội thảo cấp khoa	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 10_Buoc 5_BB_cap_kh oa
11	Đề cương chi tiết học phần	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 11_Buoc 5_De_cuong_c hi_tiet
12	Bảng ma trận tích hợp chuẩn kiến thức, kỹ năng	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 12_Buoc 6_Ma_tran_tic h_hop
13	Phiếu tự đánh giá điều kiện mở ngành	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 13_Buoc 7 _Phieu_tu_dan h_gia
14	Phiếu nhận xét việc thực hiện tự đánh giá	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 14_Buoc 7_Phieu_nhan _xet
15	Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 15_Buoc 8_Bien_ban_H D_tham_dinh_ CTDT
16	Phiếu thẩm định chương trình đào tạo của từng thành viên	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 16_Buoc 8_Phieu_tham _dinh_cua_cac _thanh_vien_H ĐTĐ CTĐT
17	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 17_Buoc 8_quyet_dinh_ thanh_lap_hoi _dong_tham_d inh_ctdt
17	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định	Các đơn vị, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 18_Buoc 8_Bien_ban_ki em_tra_dieu_k ien_thuc_te
18	Kế hoạch đào tạo, Sơ đồ kế hoạch học tập chuẩn	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 19_ KHDT- So do

19	Chương trình đào tạo	ĐTĐH, Khoa	Văn bản đóng quyển	5 năm	Mau 20_ CTDT
20	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	ĐTĐH, Khoa	Văn bản đóng quyển	5 năm	Mau 21_ CDR
21	Đề cương chi tiết (CTĐT)	ĐTĐH, Khoa	Văn bản đóng quyển	5 năm	Mau 22_Tong_hop_de_cuong_chi_tiet

7. Nội dung rà soát, cập nhật chương trình đào tạo

7.1 Các bước rà soát, cập nhật CTĐT

Bước	Tiến trình	Thực hiện	Hồ sơ công việc
1	Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT	Khoa chuyên môn Bộ môn	- Kê hoạch
2	Thu thập thông tin, minh chứng cần thiết phải cập nhật CTĐT	Khoa chuyên môn Bộ môn	- Phiếu khảo sát thu thập minh chứng
3	Đánh giá và xây dựng báo cáo, đối chiếu. so sánh	Khoa chuyên môn Bộ môn	- Bảng đánh giá CTĐT - So sánh CTĐT
4	Dự thảo nội dung cần chỉnh sửa	Khoa chuyên môn	- Bảng dự thảo nội dung CTĐT
5	Ban hành CTĐT sửa đổi	HĐKHĐT trường	- Đề cương chi tiết - CTĐT sau sửa đổi

7.2 Mô tả nội dung các bước rà soát, cập nhật CTĐT

Bước 1: Các khoa/bộ môn lập kế hoạch cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo.

Bước 2: Các khoa/bộ môn thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn…);

Bước 3: Các khoa/bộ môn Đánh giá và xây dựng báo cáo, đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy…); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương

trình đào tạo đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chương trình đào tạo;

Bước 4: Các khoa Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và trình Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường xem xét thông qua;

Bước 5: Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung. Nếu cần thiết, Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường quyết định việc thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung theo Điều 12 của Quy định này.

8. Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT

TT	Tên hồ sơ	Nơi lưu	Hình thức lưu	Thời gian lưu	Biểu mẫu
1	Phiếu khảo sát lấy ý kến các bên liên qan để rà soát, điều chỉnh CTĐT	ĐTĐH, Khoa, DBCL	Văn bản	5 năm	Phieu Khao sat_cap nhat CTDT
2	Khảo sát ý kiến về chương trình đào tạo	ĐTĐH, Khoa, DBCL	Văn bản	5 năm	Khao sat chat luong CTDT
3	Khảo sát mức độ hài lòng của đơn vị sử dụng lao động	ĐTĐH, Khoa, DBCL	Văn bản	5 năm	Khao Sat_DN
4	Bảng so sánh, đối chiếu CTĐT trong và ngoài nước	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 8_Buoc 4_SS_doi_chie u_CTDT
5	Đề cương chi tiết học phần	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 11_Buoc 5_De_cuong_c hi_tiet
6	Bảng ma trận tích hợp chuẩn kiến thức, kỹ năng	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 12_Buoc 6_Ma_tran_tic h_hop
7	Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 15_Buoc 8_Bien_ban_H D_tham_dinh_ CTDT

8	Phiếu thẩm định chương trình đào tạo của từng thành viên	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 16_Buoc 8_Phieu_tham _dinh_cua_cac _thanh_vien_H ĐTĐ CTĐT
9	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 17_Buoc 8_quyet_dinh_ thanh_lap_hoi _dong_tham_d inh_ctdt
10	Kế hoạch đào tạo, Sơ đồ kế hoạch học tập chuẩn	ĐTĐH, Khoa	Văn bản	5 năm	Mau 18_ KHDT- So do
11	Chương trình đào tạo	ĐTĐH, Khoa	Văn bản đóng quyển	5 năm	Mau 19_ CTDT
12	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	ĐTĐH, Khoa	Văn bản đóng quyển	5 năm	Mau 20_ CTDT
13	Đề cương chi tiết (CTĐT)	ĐTĐH, Khoa	Văn bản đóng quyển	5 năm	Mau 21_Tong_hop_ de_cuong_chi_ tiet

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 737 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình mở mới và rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng Trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-MĐC ngày 29/4/2021của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành quy trình mở mới và rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo;

Căn cứ kết luận cuộc họp của Hội đồng khoa học và đào tạo trường; chủ chương phê duyệt của hội đồng trường đối với đề xuất sửa đổi, bổ sung quy trình mở mới và rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung quy trình mở mới và rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo Quyết định số 318/QĐ-MĐC ngày 29/4/2021 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất theo phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- ĐU, HĐT (để b/cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04)

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY TRÌNH MỞ MỚI VÀ RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 737 QĐ-MĐC ngày 24 tháng 6 năm 2022)

1. Sửa đổi, bổ sung chi tiết mục 5.2.8 Bước 8 như sau:

"- Đối với ngành đã có trong danh mục ngành đào tạo: Hội đồng Khoa chuyên môn thẩm định góp ý hoàn chỉnh, đối chiếu chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra, các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và rà soát các nguồn lực, phân tích hiệu quả kinh tế xã hội, hoạch toán chương trình với việc định vị nghề nghiệp của sản phẩm đào tạo.

Hội đồng kiểm tra điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện xác nhận những thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu, các điều kiện về cơ sở vật chất, thư viện, trang thiết bị của Trường Đại học Mỏ - Địa chất là đúng sự thật và đáp ứng được yêu cầu mở ngành theo yêu cầu của *Thông số 02/2022/TT-BGDĐT*. (Mẫu 15_2 Bước 8)

- Đối với ngành thí điểm (chưa có trong danh mục ngành đào): Hội đồng Khoa chuyên môn thẩm định như đối với ngành đã có trong danh mục ngành đào tạo và bổ sung:

a. Minh chứng khoa học và thực tiễn hình thành ngành đào tạo mới;

b. Khác biệt tối thiểu 30% về kiến thức kỹ năng chuyên môn so với các ngành đã có trong Danh mục của BGD&ĐT;

c. Số liệu phân tích, dự báo tin cậy về nhu cầu nguồn nhân lực mà các ngành đào tạo hiện tại không đáp ứng được;

d. Minh chứng đã được đào tạo tại nhiều cơ sở đào tạo có uy tín trên thế giới hoặc đã được liệt kê ở ít nhất hai bảng phân loại các chương trình và ngành đào tạo thông dụng trên thế giới."

2. Bổ sung chi tiết mục 6 như sau:

TT	Tên hồ sơ	Nơi lưu	Hình thức lưu	Thời gian lưu	Biểu mẫu
22	Minh chứng khoa học và thực tiễn hình thành ngành đào tạo mới;	ĐTĐH, Khoa, ĐBCLGD	Văn bản	5 năm	
23	Số liệu phân tích, dự báo tin cậy về nhu cầu nguồn nhân lực mà các ngành đào tạo hiện tại không đáp ứng được;	ĐTĐH, Khoa, ĐBCLGD	Văn bản	5 năm	
24	Minh chứng ngành đã được đào tạo tại nhiều cơ sở đào tạo có uy tín trên thế giới hoặc đã được liệt kê ở ít nhất hai bảng phân loại các chương trình và ngành đào tạo thông dụng trên thế giới.	ĐTĐH, Khoa, ĐBCLGD	Văn bản	5 năm	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm...

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở: .....Mã ngành .....

Trình độ đào tạo:.....

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố:		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Cấp Bộ	Cấp Cơ sở	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1	Nguyễn Văn A 15/11/1966	092066001879 Việt Nam	GS, 2016	TS, Việt Nam, 2002	Nuôi trồng thủy sản	01/08/1988	X	HC158293061873267	33	10	24	
2	Nguyễn Thị B 20/12/1971	064071007451 Việt Nam	PGS, 2015	TS, Hà Lan, 2009	Công nghệ chế biến thủy sản	X	15/11/2010, Hợp đồng thỉnh giảng tự trả lương	HC893527818012345	8	3	12	
...												

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

TRANG MC73

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Nguyễn Văn A	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
...								

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:
- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tên bài viết*', *tên tập san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), 'Tiêu đề bài viết', *[trong] tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ					
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ					
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ					

TRANG MC75

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ					
1.5	Số phòng học đa phương tiện					
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian					
2	Thư viện, trung tâm học liệu					
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập					

Mẫu 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*

PHÒNG TCCB **PHÒNG KHCN** **PHÒNG CSVC**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên)

(Ký tên xác nhận) **(Ký tên xác nhận)** **(Ký tên xác nhận)**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 661 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban chỉ đạo Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo và điều kiện duy trì ngành

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết 112/NQ-ĐU ngày 30/12/2020 của Đảng ủy Trường về việc tang cường xây dựng chương trình đào tạo và tuyển sinh đáp ứng nhu cầu xã hội;

Căn cứ Nghị quyết 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-MĐC ngày 29/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc Ban hành Quy trình mở mới và rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo, điều kiện duy trì ngành của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, gồm các viên chức có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Ban chỉ đạo tại Điều 1 có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo, điều kiện duy trì ngành theo đúng các quy định hiện hành và được hưởng các chế độ theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các viên chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(01).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

BAN CHỈ ĐẠO RÀ SOÁT, CHỈNH SỬA, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN DUY TRÌ NGÀNH

(Kèm theo Quyết định số 661 /QĐ-MĐC ngày 13 tháng 6 năm 2023)

TT	Họ tên	Chức vụ	Phụ trách
1	GS.TS Trần Thanh Hải	Hiệu trưởng	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
			Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
			Công nghệ thông tin
2	GS.TS Bùi Xuân Nam	Phó Hiệu trưởng	Khoa Cơ - Điện
			Khoa Kinh tế và QTKD
			Khoa Mỏ
			Khoa Môi trường
3	PGS.TS Triệu Hùng Trường	Phó Hiệu trưởng	Xây dựng
			Khoa Dầu khí và Năng lượng
			Khoa Khoa học cơ bản

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 662 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Ban thư ký Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo và điều kiện duy trì ngành

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết 112/NQ-ĐU ngày 30/12/2020 của Đảng ủy Trường về việc tang cường xây dựng chương trình đào tạo và tuyển sinh đáp ứng nhu cầu xã hội;

Căn cứ Nghị quyết 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-MĐC ngày 29/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc Ban hành Quy trình mở mới và rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-MĐC ngày 13/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Ban chỉ đạo Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo và điều kiện duy trì ngành;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban thư ký Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo, điều kiện duy trì ngành của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, gồm các viên chức có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Ban thư ký tại Điều 1 có nhiệm vụ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo, điều kiện duy trì ngành theo đúng các quy định hiện hành và được hưởng các chế độ theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các viên chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(01).

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

BAN THƯ KÝ RÀ SOÁT, CHỈNH SỬA, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN DUY TRÌ NGÀNH

(Kèm theo Quyết định số 662 /QĐ-MĐC ngày 13 tháng 6 năm 2023)

TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị
1	PGS.TS. Nguyễn Đức Khoát	Trưởng ban	Trưởng phòng Đào tạo Đại học
2	TS. Phạm Văn Tuấn	Phó trưởng ban	Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng
3	TS. Nguyễn Thế Lộc	Ủy viên, thư ký	Phó trưởng phòng Đào tạo Đại học
4	ThS. Phạm Thị Thu Thủy	Ủy viên	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính
5-16. Trưởng các Khoa			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 848 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Tổ công tác Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo và điều kiện duy trì ngành

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết 112/NQ-ĐU ngày 30/12/2020 của Đảng ủy Trường về việc tang cường xây dựng chương trình đào tạo và tuyển sinh đáp ứng nhu cầu xã hội;

Căn cứ Nghị quyết 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-MĐC ngày 29/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc Ban hành Quy trình mở mới và rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-MĐC ngày 13/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Ban chỉ đạo Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo và điều kiện duy trì ngành;

Căn cứ Quyết định số 662/QĐ-MĐC ngày 13/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Ban thư ký Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo và điều kiện duy trì ngành;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ công tác Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo, điều kiện duy trì ngành của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, gồm các viên chức có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Tổ công tác tại Điều 1 có nhiệm vụ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo, điều kiện duy trì ngành theo đúng các quy định hiện hành và được hưởng các chế độ theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các viên chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(01).

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải



TỔ CÔNG TÁC RÀ SOÁT, CHỈNH SỬA, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN DUY TRÌ NGÀNH

(Kèm theo Quyết định số 848 /QĐ-MĐC ngày 14/ tháng 4 năm 2023)

Tổ	Thành viên các tổ	Nhiệm vụ	Ngành	Mã ngành	Bậc
1	Nguyễn Thị Kim Ngân	Tổ trưởng	Quản trị kinh doanh	7340101	ĐH
	Đồng Thị Bích	Tổ Phó			
	Lê Minh Thống	Thành viên			
	Nguyễn Thị Hoài Nga	Thành viên			
	Đào Anh Tuấn	Thành viên			
	Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên			
	Đồng Thị Bích	Thành viên			
	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Thành viên			
	Lê Thị Thu Hường	Thành viên			
2	Bùi Thị Thu Thủy	Tổ trưởng	Kế toán	7340301	ĐH
	Phạm Thị Hồng Hạnh	Tổ phó			
	Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên			
	Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên			
	Phạm Thu Hương	Thành viên			
	Hoàng Thị Thủy	Thành viên			
	Lê Thị Thu Hồng	Thành viên			
	Dương Thị Nhàn	Thành viên			
3	Phí Thị Kim Thư	Tổ trưởng	Tài chính - Ngân hàng	7340201	ĐH
	Lưu Thị Thu Hà	Tổ phó			
	Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên			
	Phan Minh Quang	Thành viên			
	Nguyễn Thị Minh Thu	Thành viên			
	Phạm Mạnh Hải	Thành viên			
4	Nguyễn Ngọc Khánh	Tổ trưởng	Quản lý công nghiệp	7510601	ĐH
	Đào Anh Tuấn	Tổ phó			
	Đồng Thị Bích	Thành viên			
	Lê Thị Thu Hường	Thành viên			
	Nguyễn Thị Hoài Nga	Thành viên			
	Phan Thị Thùy Linh	Thành viên			
	Nguyễn Đức Thắng	Thành viên			
	Lê Đình Chiều	Thành viên			
5	Phạm Thị Thủy	Tổ trưởng	Kỹ thuật cơ khí	7520103	ĐH
	Nguyễn Văn Xô	Tổ Phó			
	Phạm Đức Thiên	Thành viên			
	Nguyễn Duy Chinh	Thành viên			
	Đoàn Văn Giáp	Thành viên			
	Trần Viết Linh	Thành viên			
	Phạm Tuấn Long	Thành viên			
	Nguyễn Khắc Lĩnh	Thành viên			
6	Nguyễn Thạc Khánh	Tổ trưởng	Kỹ thuật điện	7520201	ĐH
	Đỗ Như Ý	Tổ phó			

Tổ	Thành viên các tổ	Nhiệm vụ	Ngành	Mã ngành	Bậc
	Hồ Việt Bun	Thành viên			
	Lê Xuân Thành	Thành viên			
	Ngô Thanh Tuấn	Thành viên			
	Kim Cẩm Ánh	Thành viên			
	Cung Quang Khang	Thành viên			
	Hà Thị Chúc	Thành viên			
	Nguyễn Tiến Sĩ	Thành viên			
	Nguyễn Thị Bích Hậu	Thành viên			
7	Khổng Cao Phong	Tổ trưởng	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	ĐH
	Đặng Văn Chí	Tổ phó			
	Phạm Minh Hải	Thành viên			
	Uông Quang Tuyến	Thành viên			
	Phạm Thị Thanh Loan	Thành viên			
	Nguyễn Thế Lực	Thành viên			
	Nguyễn Đức Khoát	Thành viên			
8	Nguyễn Đức Khoát	Tổ trưởng	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo	7520218	ĐH
	Phạm Thị Thanh Loan	Tổ phó			
	Đặng Văn Chí	Thành viên			
	Phạm Minh Hải	Thành viên			
	Uông Quang Tuyến	Thành viên			
	Khổng Cao Phong	Thành viên			
	Đào Hiếu	Thành viên			
9	Nguyễn Văn Xô	Tổ trưởng	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	ĐH
	Nguyễn Khắc Lĩnh	Tổ phó			
	Đặng Vũ Đinh	Thành viên			
	Trần Viết Linh	Thành viên			
	Bùi Thị Thúy	Thành viên			
	Phạm Văn Chung	Thành viên			
	Nguyễn Sơn Tùng	Thành viên			
	Đoàn Công Luận	Thành viên			
10	Phạm Văn Tiến	Tổ trưởng	Kỹ thuật Ô tô	7520130	ĐH
	Trần Viết Linh	Tổ phó			
	Nguyễn Thế Hoàng	Thành viên			
	Nguyễn Khắc Lĩnh	Thành viên			
	Nguyễn Văn Xô	Thành viên			
	Đặng Vũ Đinh	Thành viên			
11	Nguyễn Thạc Khánh	Tổ trưởng	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	7510301	ĐH
	Kim Cẩm Ánh	Tổ phó			
	Cung Quang Khang	Thành viên			
	Hà Thị Chúc	Thành viên			
	Bùi Ngọc Hùng	Thành viên			
	Nguyễn Tiến Sĩ	Thành viên			
	Nguyễn Trường Giang	Thành viên			
	Kim Ngọc Linh	Thành viên			
12	Nguyễn Văn Xô	Tổ trưởng	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	ĐH
	Phạm Thị Thủy	Tổ phó			

Tổ	Thành viên các tổ	Nhiệm vụ	Ngành	Mã ngành	Bậc
	Nguyễn Duy Chỉnh	Thành viên			
	Đoàn Văn Giáp	Thành viên			
	Trần Viết Linh	Thành viên			
	Vũ Ngọc Trà	Thành viên			
13	Bùi Hoàng Bắc	Tổ trưởng	Kỹ thuật địa chất	7520501	ĐH
	Tô Xuân Bản	Tổ phó			
	Nguyễn Hữu Hiệp	Thành viên			
	Trần Thanh Hải	Thành viên			
	Ngô Xuân Thành	Thành viên			
	Nguyễn Khắc Du	Thành viên			
	Nguyễn Bách Thảo	Thành viên			
	Bùi Trường Sơn	Thành viên			
	Khương Thế Hùng	Thành viên			
	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên			
	Bùi Vinh Hậu	Thành viên			
	Phạm Thị Vân Anh	Thành viên			
	Lê Thị Thu	Thành viên			
	Đỗ Mạnh An	Thành viên			
14	Trần Thanh Hải	Tổ trưởng	Địa chất học	7440201	ĐH
	Nguyễn Hữu Hiệp	Tổ phó			
	Nguyễn Quốc Hưng	Thành viên			
	Bùi Vinh Hậu	Thành viên			
	Ngô Thị Kim Chi	Thành viên			
	Phan Viết Sơn	Thành viên			
	Lê Thị Ngọc Tú	Thành viên			
15	Bùi Trường Sơn	Tổ trưởng	Địa kỹ thuật xây dựng	7580211	ĐH
	Nguyễn Thị Nụ	Tổ phó			
	Nguyễn Văn Phóng	Thành viên			
	Nhữ Việt Hà	Thành viên			
	Nguyễn Văn Hùng	Thành viên			
	Bùi Văn Bình	Thành viên			
	Phạm Thị Việt Nga	Thành viên			
16	Ngô Xuân Thành	Tổ trưởng	Du lịch địa chất	7810105	ĐH
	Bùi Vinh Hậu	Tổ phó			
	Trần Thanh Hải	Thành viên			
	Đỗ Mạnh An	Thành viên			
	Phan Văn Bình	Thành viên			
	Nguyễn Trung Thành	Thành viên			
	Ngô Thị Kim Chi	Thành viên			
17	Tô Xuân Bản	Tổ trưởng	Đá quý Đá mỹ nghệ	7520505	ĐH
	Phạm Thị Vân Anh	Tổ phó			
	Đặng Thị Vinh	Thành viên			
	Lê Thị Ngọc Tú	Thành viên			
	Nguyễn Hữu Trọng	Thành viên			
	Nguyễn Trung Thành	Thành viên			
	Phan Viết Sơn	Thành viên			

Tổ	Thành viên các tổ	Nhiệm vụ	Ngành	Mã ngành	Bậc
18	Trần Trung Anh	Tổ trưởng	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7520503	ĐH
	Nguyễn Quốc Long	Tổ phó			
	Phạm Thế Huynh	Thành viên			
	Nguyễn Thế Công	Thành viên			
	Lê Thị Thu Hà	Thành viên			
	Trần Vân Anh	Thành viên			
	Nguyễn Việt Hà	Thành viên			
	Lê Đức Tình	Thành viên			
	Hoàng Ngọc Hà	Thành viên			
	Bùi Ngọc Quý	Thành viên			
	Nguyễn Văn Sáng	Thành viên			
	Trần Xuân Trường	Thành viên			
	Nguyễn Gia Trọng	Thành viên			
19	Trần Thùy Dương	Tổ trưởng	Quản lí đất đai	7850103	ĐH
	Nguyễn Thị Kim Yến	Tổ phó			
	Nguyễn Thế Công	Thành viên			
	Đinh Hải Nam	Thành viên			
	Phạm Thế Huynh	Thành viên			
	Trần Xuân Miễn	Thành viên			
	Nguyễn Thị Dung	Thành viên			
	Đặng Thị Hoàng Nga	Thành viên			
20	Nguyễn Việt Hà	Tổ trưởng	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản	7580109	ĐH
	Phạm Quốc Khánh	Tổ phó			
	Lê Đức Tình	Thành viên			
	Nguyễn Hà	Thành viên			
	Phạm Trung Dũng	Thành viên			
	Nguyễn Thị Kim Thanh	Thành viên			
	Trần Thùy Linh	Thành viên			
	Nguyễn Văn Trung	Thành viên			
21	Trần Vân Anh	Tổ trưởng	Địa tin học	7480206	ĐH
	Trần Hồng Hạnh	Tổ phó			
	Trần Thanh Hà	Thành viên			
	Trần Xuân Trường	Thành viên			
	Nguyễn Văn Trung	Thành viên			
	Lê Thanh Nghị	Thành viên			
	Phạm Thị Thanh Hòa	Thành viên			
	Trần Trung Anh	Thành viên			
	Nguyễn Mai Dung	Thành viên			
22	Công Ngọc Thắng	Tổ trưởng	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	ĐH
	Nguyễn Thị Linh	Tổ phó			
	Ngô Hà Sơn	Thành viên			
	Phạm Xuân Núi	Thành viên			
	Bùi Thị Lệ Thủy	Thành viên			
	Tống Thị Thanh Hương	Thành viên			
	Vũ Văn Toàn	Thành viên			
	Ngô Thanh Hải	Thành viên			

Tổ	Thành viên các tổ	Nhiệm vụ	Ngành	Mã ngành	Bậc
23	Nguyễn Thị Linh	Tổ trưởng	Kỹ thuật hoá học	7520301	ĐH
	Ngô Hà Sơn	Tổ phó			
	Phạm Xuân Núi	Thành viên			
	Bùi Thị Lệ Thủy	Thành viên			
	Tống Thị Thanh Hương	Thành viên			
	Vũ Văn Toàn	Thành viên			
	Ngô Thanh Hải	Thành viên			
	Công Tiến Dũng	Thành viên			
	Vũ Kim Thư	Thành viên			
	Phạm Tuấn Cường	Thành viên			
	Lê Đắc Tuyên	Thành viên			
	Dương Thúy Hường	Thành viên			
24	Nguyễn Thế Vinh	Tổ trưởng	Kỹ thuật dầu khí	7520604	ĐH
	Lê Đức Vinh	Tổ phó			
	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên			
	Phạm Văn Tuấn	Thành viên			
	Lê Ngọc Ánh	Thành viên			
	Vũ Viết Thạch	Thành viên			
	Hoàng Anh Dũng	Thành viên			
	Nguyễn Thị Minh Hồng	Thành viên			
25	Lê Quang Duyến	Tổ trưởng	Kỹ thuật khí thiên nhiên	7520605	ĐH
	Nguyễn Tiến Hùng	Tổ phó			
	Vũ Thiết Thạch	Thành viên			
	Nguyễn Thế Vinh	Thành viên			
	Trương Văn Từ	Thành viên			
	Doãn Thị Trâm	Thành viên			
	Nguyễn Văn Thành	Thành viên			
	Nguyễn Trần Tuân	Thành viên			
	Nguyễn Khắc Long	Thành viên			
	Tô Hữu Toàn	Thành viên			
26	Kiều Duy Thông	Tổ trưởng	Kỹ thuật địa vật lý	7520502	ĐH
	Vũ Hồng Dương	Tổ phó			
	Phan Thị Hồng	Thành viên			
	Phan Thiên Hương	Thành viên			
	Nguyễn Duy Mười	Thành viên			
27	Trần Danh Hùng	Tổ trưởng	Quản lý và phân tích dữ liệu khoa học trái đất	7440229	ĐH
	Phan Thị Hồng	Tổ phó			
	Kiều Duy Thông	Thành viên			
	Dương Văn Hào	Thành viên			
	Ngô Hà Sơn	Thành viên			
	Nguyễn Thanh Tuấn	Thành viên			
28	Phạm Văn Tuấn	Tổ trưởng	Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên	7520606	ĐH
	Lê Ngọc Ánh	Tổ phó			
	Nguyễn Duy Mười	Thành viên			
	Nguyễn Thị Minh Hồng	Thành viên			
	Nguyễn Minh Hòa	Thành viên			

Tổ	Thành viên các tổ	Nhiệm vụ	Ngành	Mã ngành	Bậc
	Bùi Thị Ngân	Thành viên			
29	Đỗ Ngọc Anh	Tổ trưởng	Kỹ thuật xây dựng	7580201	ĐH
	Nguyễn Văn Mạnh	Tổ phó			
	Phạm Thị Nhàn	Thành viên			
	Đặng Trung Thành	Thành viên			
	Trần Tuấn Minh	Thành viên			
	Nguyễn Trọng Dũng	Thành viên			
	Phạm Đức Thọ	Thành viên			
	Vũ Minh Ngạn	Thành viên			
	Nguyễn Chí Thành	Thành viên			
30	Đặng Trung Thành	Tổ trưởng	Quản lý xây dựng	7580302	ĐH
	Đặng Văn Kiên	Tổ phó			
	Bùi Văn Đức	Thành viên			
	Ngô Xuân Hùng	Thành viên			
	Đỗ Ngọc Thái	Thành viên			
	Hoàng Đình Phúc	Thành viên			
	Đặng Quang Huy	Thành viên			
31	Vũ Minh Ngạn	Tổ trưởng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	ĐH
	Phạm Đức Thọ	Tổ phó			
	Nguyễn Trọng Dũng	Thành viên			
	Hoàng Đình Phúc	Thành viên			
	Đặng Quang Huy	Thành viên			
	Bùi Anh Thắng	Thành viên			
32	Đặng Văn Kiên	Thành viên	Xây dựng công trình ngầm thành phố và Hệ thống tàu điện ngầm	7580204	ĐH
	Đào Viết Đoàn	Tổ trưởng			
	Đặng Trung Thành	Tổ phó			
	Trần Tuấn Minh	Thành viên			
	Nguyễn Duyên Phong	Thành viên			
	Đỗ Ngọc Anh	Thành viên			
33	Nguyễn Quốc Phi	Tổ trưởng	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	ĐH
	Nguyễn Văn Dũng	Tổ phó			
	Đào Đình Thuần	Thành viên			
	Nguyễn Thị Cúc	Thành viên			
	Vũ Thị Phương Thảo	Thành viên			
	Phạm Thị Mai Hoa	Thành viên			
34	Nguyễn Bách Thảo	Tổ trưởng	Kỹ thuật Tài nguyên nước	7580212	ĐH
	Trần Vũ Long	Tổ phó			
	Đào Đức Bằng	Thành viên			
	Vũ Thu Hiền	Thành viên			
	Dương Thị Thanh Thủy	Thành viên			
	Kiều Thị Vân Anh	Thành viên			
35	Đỗ Văn Bình	Tổ trưởng	Kỹ thuật môi trường	7520320	ĐH
	Nguyễn Quốc Phi	Tổ phó			
	Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên			
	Đào Đình Thuần	Thành viên			
	Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên			

Tổ	Thành viên các tổ	Nhiệm vụ	Ngành	Mã ngành	Bậc
	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên			
	Trần Thị Thu Hương	Thành viên			
	Đào Trung Thành	Thành viên			
36	Nguyễn Cao Khải	Tổ trưởng	Kỹ thuật mỏ	7520601	ĐH
	Trần Quang Hiếu	Tổ phó			
	Vũ Trung Tiến	Thành viên			
	Lê Thị Thu Hoa	Thành viên			
	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên			
	Bùi Mạnh Tùng	Thành viên			
	Vũ Thái Tiến Dũng	Thành viên			
	Trần Đình Bão	Thành viên			
	Nguyễn Hoàng	Thành viên			
	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên			
37	Bùi Xuân Nam	Tổ trưởng	An toàn, Vệ sinh lao động	7850202	ĐH
	Nguyễn Anh Tuấn	Tổ phó			
	Nguyễn Hoàng	Thành viên			
	Đỗ Ngọc Hoàn	Thành viên			
	Phạm Văn Việt	Thành viên			
	Lê Thị Thu Hoa	Thành viên			
	Nguyễn Đình An	Thành viên			
38	Nhữ Thị Kim Dung	Tổ trưởng	Kỹ thuật tuyển khoáng	7520607	ĐH
	Phạm Văn Luận	Tổ phó			
	Trần Văn Được	Thành viên			
	Trần Trung Tới	Thành viên			
	Vũ Thị Chinh	Thành viên			
	Phùng Tiến Thuật	Thành viên			
39	Lê Văn Hưng	Tổ trưởng	Công nghệ thông tin	7480201	ĐH
	Dương Hiền Thành	Tổ phó			
	Lê Thanh Huệ	Thành viên			
	Nguyễn Thế Lộc	Thành viên			
	Hoàng Anh Đức	Thành viên			
	Nguyễn Duy Huy	Thành viên			
	Nông Thị Oanh	Thành viên			
	Nguyễn Thị Hữu Phương	Thành viên			
	Diêm Công Hoàng	Thành viên			
	Trần Thị Thúy	Thành viên			
	Bùi Thị Vân Anh	Thành viên			
	Đào Thị Thu Vân	Thành viên			
	Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên			
40	Lê Hồng Anh	Tổ trưởng	Khoa học dữ liệu	7460108	ĐH
	Nguyễn Mai Dung	Tổ phó			
	Nguyễn Hoàng Long	Thành viên			
	Nguyễn Thùy Dương	Thành viên			
	Nông Thị Oanh	Thành viên			
	Nguyễn Duy Huy	Thành viên			
	Nguyễn Thị Phương Bắc	Thành viên			

Tổ	Thành viên các tổ	Nhiệm vụ	Ngành	Mã ngành	Bậc
	Đặng Văn Nam	Thành viên			
41	Công Tiến Dũng	Tổ trưởng	Hóa dược	7720203	ĐH
	Vũ Thị Minh Hồng	Tổ phó			
	Phạm Tiến Dũng	Thành viên			
	Lê Thị Duyên	Thành viên			
	Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên			
	Nguyễn Thu Hà	Thành viên			
	Đỗ Thị Hải	Thành viên			
	Võ Thị hạnh	Thành viên			
	Vũ Kim Thư	Thành viên			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1212 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Ban chỉ đạo Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; Điều kiện duy trì ngành và Tự đánh giá chương trình đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết 112/NQ-ĐU ngày 30/12/2020 của Đảng ủy Trường về việc tăng cường xây dựng chương trình đào tạo và tuyển sinh đáp ứng nhu cầu xã hội;

Căn cứ Nghị quyết 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-MĐC ngày 29/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc Ban hành Quy trình mở mới và rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-MĐC ngày 13/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Ban chỉ đạo Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; Điều kiện duy trì ngành và Tự đánh giá chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Ban chỉ đạo Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; Điều kiện duy trì ngành và Tự đánh giá chương trình đào tạo của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, gồm các viên chức có tên trong danh sách kèm theo.

TRANG MC20

Điều 2. Ban chỉ đạo tại Điều 1 có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị rà soát, cập nhật chương trình đào tạo: Điều kiện duy trì ngành và Tự đánh giá chương trình đào tạo theo đúng các quy định hiện hành và được hưởng các chế độ theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 659/QĐ-MĐC ngày 13/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các viên chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

BAN CHỈ ĐẠO RÀ SOÁT, CHỈNH SỬA, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; ĐIỀU KIỆN DUY TRÌ NGÀNH VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 1212 /QĐ-MĐC ngày 23 tháng 8 năm 2023)

TT	Họ tên	Chức vụ	Phụ trách
1	GS.TS Trần Thanh Hải	Hiệu trưởng	Khoa Công nghệ thông tin
			Khoa Cơ - Điện
			Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
			Khoa Kinh tế và QTKD
			Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
2	PGS.TS Triệu Hùng Trường	Phó Hiệu trưởng	Khoa Dầu khí và Năng lượng
			Khoa Khoa học cơ bản
			Khoa Môi trường
			Khoa Mỏ
			Xây dựng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1213 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Tổ công tác Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; điều kiện duy trì ngành và tự đánh giá chương trình đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết 112/NQ-ĐU ngày 30/12/2020 của Đảng ủy Trường về việc tăng cường xây dựng chương trình đào tạo và tuyển sinh đáp ứng nhu cầu xã hội;

Căn cứ Nghị quyết 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-MĐC ngày 29/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc Ban hành Quy trình mở mới và rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-MĐC ngày 14/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Tổ công tác Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; điều kiện duy trì ngành và tự đánh giá chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Tổ công tác Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; điều kiện duy trì ngành và tự đánh giá chương trình đào tạo của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, gồm các viên chức có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Tổ công tác tại Điều 1 có nhiệm vụ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; điều kiện duy trì ngành và tự đánh giá chương trình đào tạo theo đúng các quy định hiện hành và được hưởng các chế độ theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 877/QĐ-MĐC ngày 14/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các viên chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB, 01b.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

TRANG MC24

TỔ CÔNG TÁC RÀ SOÁT, CHỈNH SỬA, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; ĐIỀU KIỆN DUY TRÌ NGÀNH VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 1203/QĐ-MĐC ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Tổ	Thành viên các tổ	Nhiệm vụ	Ngành	Mã ngành	Bậc
1	Nguyễn Thị Kim Ngân	Tổ trưởng	Quản trị kinh doanh	7340101	ĐH
	Đồng Thị Bích	Tổ Phó			
	Lê Minh Thống	Thành viên			
	Nguyễn Thị Hoài Nga	Thành viên			
	Đào Anh Tuấn	Thành viên			
	Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên			
	Lê Đình Chiều	Thành viên			
	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Thành viên			
	Lê Thị Thu Hường	Thành viên			
2	Bùi Thị Thu Thủy	Tổ trưởng	Kế toán	7340301	ĐH
	Phạm Thị Hồng Hạnh	Tổ phó			
	Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên			
	Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên			
	Phạm Thu Hương	Thành viên			
	Hoàng Thị Thủy	Thành viên			
	Lê Thị Thu Hồng	Thành viên			
	Dương Thị Nhàn	Thành viên			
3	Phí Thị Kim Thư	Tổ trưởng	Tài chính - Ngân hàng	7340201	ĐH
	Lưu Thị Thu Hà	Tổ phó			
	Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên			
	Phan Minh Quang	Thành viên			
	Nguyễn Thị Minh Thu	Thành viên			
	Phạm Minh Hải	Thành viên			
4	Nguyễn Ngọc Khánh	Tổ trưởng	Quản lý công nghiệp	7510601	ĐH
	Đào Anh Tuấn	Tổ phó			
	Đồng Thị Bích	Thành viên			
	Lê Thị Thu Hường	Thành viên			
	Nguyễn Thị Hoài Nga	Thành viên			
	Phan Thị Thùy Linh	Thành viên			
	Nguyễn Đức Thắng	Thành viên			
	Lê Đình Chiều	Thành viên			
5	Phạm Thị Thủy	Tổ trưởng	Kỹ thuật cơ khí	7520103	ĐH
	Nguyễn Văn Xô	Tổ Phó			
	Phạm Đức Thiên	Thành viên			
	Trần Viết Linh	Thành viên			
	Phạm Tuấn Long	Thành viên			
	Nguyễn Khắc Lĩnh	Thành viên			
	Trần Đức Huân	Thành viên			
6	Đỗ Như Ý	Tổ trưởng	Kỹ thuật điện	7520201	ĐH
	Nguyễn Thạc Khánh	Tổ phó			

	Hồ Việt Bun	Thành viên			
	Lê Xuân Thành	Thành viên			
	Ngô Thanh Tuấn	Thành viên			
	Kim Thị Cẩm Ánh	Thành viên			
	Cung Quang Khang	Thành viên			
	Hà Thị Chúc	Thành viên			
	Nguyễn Tiến Sĩ	Thành viên			
	Nguyễn Thị Bích Hậu	Thành viên			
7	Không Cao Phong	Tổ trưởng	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	ĐH
	Đặng Văn Chí	Tổ phó			
	Phạm Minh Hải	Thành viên			
	Uông Quang Tuyến	Thành viên			
	Phạm Thị Thanh Loan	Thành viên			
	Nguyễn Thế Lực	Thành viên			
	Nguyễn Đức Khoát	Thành viên			
8	Nguyễn Đức Khoát	Tổ trưởng	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo	7520218	ĐH
	Phạm Thị Thanh Loan	Tổ phó			
	Đặng Văn Chí	Thành viên			
	Phạm Minh Hải	Thành viên			
	Uông Quang Tuyến	Thành viên			
	Không Cao Phong	Thành viên			
	Đào Hiếu	Thành viên			
9	Nguyễn Văn Xô	Tổ trưởng	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	ĐH
	Nguyễn Khắc Lĩnh	Tổ phó			
	Đặng Vũ Đinh	Thành viên			
	Trần Viết Linh	Thành viên			
	Bùi Thị Thúy	Thành viên			
	Phạm Văn Chung	Thành viên			
	Nguyễn Sơn Tùng	Thành viên			
	Đoàn Công Luận	Thành viên			
10	Phạm Văn Tiến	Tổ trưởng	Kỹ thuật Ô tô	7520130	ĐH
	Trần Viết Linh	Tổ phó			
	Nguyễn Thế Hoàng	Thành viên			
	Nguyễn Khắc Lĩnh	Thành viên			
	Nguyễn Văn Xô	Thành viên			
	Đặng Vũ Đinh	Thành viên			
11	Nguyễn Thạc Khánh	Tổ trưởng	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	7510301	ĐH
	Kim Thị Cẩm Ánh	Tổ phó			
	Cung Quang Khang	Thành viên			
	Hà Thị Chúc	Thành viên			
	Bùi Ngọc Hùng	Thành viên			
	Nguyễn Tiến Sĩ	Thành viên			
	Nguyễn Trường Giang	Thành viên			
	Kim Ngọc Linh	Thành viên			
12	Nguyễn Văn Lại	Tổ trưởng	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	ĐH
	Phạm Thị Thúy	Tổ phó			
	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên			
	Bùi Minh Hoàng	Thành viên			

	Trần Viết Linh	Thành viên			
	Trần Đức Huân	Thành viên			
	Nguyễn Sơn Tùng	Thành viên			
13	Bùi Hoàng Bắc	Tổ trưởng	Kỹ thuật địa chất	7520501	ĐH
	Tô Xuân Bản	Tổ phó			
	Nguyễn Hữu Hiệp	Thành viên			
	Trần Thanh Hải	Thành viên			
	Ngô Xuân Thành	Thành viên			
	Nguyễn Khắc Du	Thành viên			
	Nguyễn Bách Thao	Thành viên			
	Bùi Trường Sơn	Thành viên			
	Khương Thế Hùng	Thành viên			
	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên			
	Bùi Vinh Hậu	Thành viên			
	Phạm Thị Vân Anh	Thành viên			
	Lê Thị Thu	Thành viên			
	Đỗ Mạnh An	Thành viên			
14	Trần Thanh Hải	Tổ trưởng	Địa chất học	7440201	ĐH
	Nguyễn Hữu Hiệp	Tổ phó			
	Nguyễn Quốc Hưng	Thành viên			
	Bùi Vinh Hậu	Thành viên			
	Ngô Thị Kim Chi	Thành viên			
	Phan Viết Sơn	Thành viên			
	Lê Thị Ngọc Tú	Thành viên			
15	Bùi Trường Sơn	Tổ trưởng	Địa kỹ thuật xây dựng	7580211	ĐH
	Nguyễn Thị Nụ	Tổ phó			
	Nguyễn Văn Phóng	Thành viên			
	Nhữ Việt Hà	Thành viên			
	Nguyễn Văn Hùng	Thành viên			
	Bùi Văn Bình	Thành viên			
	Phạm Thị Việt Nga	Thành viên			
16	Ngô Xuân Thành	Tổ trưởng	Du lịch địa chất	7810105	ĐH
	Bùi Vinh Hậu	Tổ phó			
	Trần Thanh Hải	Thành viên			
	Đỗ Mạnh An	Thành viên			
	Phan Văn Bình	Thành viên			
	Nguyễn Trung Thành	Thành viên			
	Ngô Thị Kim Chi	Thành viên			
17	Tô Xuân Bản	Tổ trưởng	Đá quý Đá mỹ nghệ	7520505	ĐH
	Phạm Thị Vân Anh	Tổ phó			
	Đặng Thị Vinh	Thành viên			
	Lê Thị Ngọc Tú	Thành viên			
	Nguyễn Hữu Trọng	Thành viên			
	Nguyễn Trung Thành	Thành viên			
	Phan Viết Sơn	Thành viên			
18	Bùi Ngọc Quý	Tổ trưởng	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7520503	ĐH
	Nguyễn Gia Trọng	Tổ phó			
	Phạm Văn Chung	Thành viên			

	Đỗ Thị Phương Thảo	Thành viên			
	Phạm Ngọc Quang	Thành viên			
	Nguyễn Quốc Long	Thành viên			
	Lê Đức Tình	Thành viên			
	Phạm Quốc Khánh	Thành viên			
	Dương Thành Trung	Thành viên			
	TS Lưu Anh Tuấn	Thành viên			
	TS Phạm Thế Huynh	Thành viên			
	TS Trần Trung Anh	Thành viên			
	Lê Thị Thanh Tâm	Thành viên			
	Lê Văn Cảnh	Thành viên			
	Phạm Trung Dũng	Thành viên			
	Nguyễn Thế Công	Thành viên			
19	Trần Thùy Dương	Tổ trưởng	Quan lí đất đai	7850103	ĐH
	Nguyễn Thị Kim Yến	Tổ phó			
	Phạm Thị Kim Thoa	Thành viên			
	Đinh Hải Nam	Thành viên			
	Trần Xuân Miễn	Thành viên			
	Nguyễn Thị Dung	Thành viên			
	Phạm Thế Huynh	Thành viên			
	Đặng Thị Hoàng Nga	Thành viên			
	Phùng Minh Sơn	Thành viên			
	Nguyễn Thị Hiền	Thành viên			
	Nguyễn Thế Công	Thành viên			
	Trần Đình Thành	Thành viên			
	Nguyễn Quang Minh	Thành viên			
	Nguyễn Văn Sáng	Thành viên			
20	Nguyễn Việt Hà	Tổ trưởng	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản	7580109	ĐH
	Phạm Quốc Khánh	Tổ phó			
	Nguyễn Thị Kim Thanh	Thành viên			
	Lê Đức Tình	Thành viên			
	Phạm Trung Dũng	Thành viên			
	Nguyễn Hà	Thành viên			
	Trần Thùy Linh	Thành viên			
	Trần Xuân Miễn	Thành viên			
	Dương Thành Trung	Thành viên			
	Nguyễn Gia Trọng	Thành viên			
	Đỗ Thị Phương Thảo	Thành viên			
	PGS.TS Trần Vân Anh	Thành viên			
	Phạm Thị Lan	Thành viên			
	Dương Anh Quân	Thành viên			
21	Nguyễn Văn Trung	Tổ trưởng	Địa tin học	7480206	ĐH
	Trần Trung Anh	Tổ phó			
	Phạm Thị Thanh Hòa	Thành viên			
	Trần Xuân Trường	Thành viên			
	Trần Hồng Hạnh	Thành viên			
	Trần Vân Anh	Thành viên			
	Trần Thanh Hà	Thành viên			

	Lê Thanh Nghị	Thành viên			
	Doãn Thị Nam Phương	Thành viên			
	Trần Trung Chuyên	Thành viên			
	Hoàng Thị Thủy	Thành viên			
	Phạm Thị Kim Thoa	Thành viên			
22	Công Ngọc Thắng	Tổ trưởng	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	ĐH
	Nguyễn Thị Linh	Tổ phó			
	Ngô Hà Sơn	Thành viên			
	Phạm Xuân Núi	Thành viên			
	Bùi Thị Lệ Thủy	Thành viên			
	Tống Thị Thanh Hương	Thành viên			
	Vũ Văn Toàn	Thành viên			
	Ngô Thanh Hải	Thành viên			
23	Nguyễn Thị Linh	Tổ trưởng	Kỹ thuật hoá học	7520301	ĐH
	Ngô Hà Sơn	Tổ phó			
	Phạm Xuân Núi	Thành viên			
	Bùi Thị Lệ Thủy	Thành viên			
	Tống Thị Thanh Hương	Thành viên			
	Vũ Văn Toàn	Thành viên			
	Ngô Thanh Hải	Thành viên			
	Công Tiến Dũng	Thành viên			
	Vũ Kim Thư	Thành viên			
	Phạm Tuấn Cường	Thành viên			
	Lê Đắc Tuyên	Thành viên			
	Dương Thúy Hường	Thành viên			
24	Nguyễn Thế Vinh	Tổ trưởng	Kỹ thuật dầu khí	7520604	ĐH
	Lê Đức Vinh	Tổ phó			
	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên			
	Phạm Văn Tuấn	Thành viên			
	Lê Ngọc Ánh	Thành viên			
	Vũ Viết Thạch	Thành viên			
	Hoàng Anh Dũng	Thành viên			
	Nguyễn Thị Minh Hồng	Thành viên			
25	Lê Quang Duyến	Tổ trưởng	Kỹ thuật khí thiên nhiên	7520605	ĐH
	Nguyễn Tiến Hùng	Tổ phó			
	Vũ Thiết Thạch	Thành viên			
	Nguyễn Thế Vinh	Thành viên			
	Trương Văn Từ	Thành viên			
	Doãn Thị Trâm	Thành viên			
	Nguyễn Văn Thành	Thành viên			
	Nguyễn Trần Tuân	Thành viên			
	Nguyễn Khắc Long	Thành viên			
	Tô Hữu Toàn	Thành viên			
26	Phan Thị Hồng	Tổ trưởng	Kỹ thuật địa vật lý	7520502	ĐH
	Vũ Hồng Dương	Tổ phó			
	Trần Danh Hùng	Thành viên			
	Phan Thiên Hương	Thành viên			
	Nguyễn Duy Mười	Thành viên			

27	Trần Danh Hùng	Tổ trưởng	Quản lý và phân tích dữ liệu khoa học trái đất	7440229	ĐH
	Phan Thị Hồng	Tổ phó			
	Phan Thiên Hương	Thành viên			
	Vũ Hồng Dương	Thành viên			
	Ngô Hà Sơn	Thành viên			
	Nguyễn Thanh Tuấn	Thành viên			
28	Phạm Văn Tuấn	Tổ trưởng	Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên	7520606	ĐH
	Lê Ngọc Ánh	Tổ phó			
	Nguyễn Duy Mười	Thành viên			
	Nguyễn Thị Minh Hồng	Thành viên			
	Nguyễn Minh Hòa	Thành viên			
	Bùi Thị Ngân	Thành viên			
29	Trần Tuấn Minh	Tổ trưởng	Kỹ thuật xây dựng	7580201	ĐH
	Nguyễn Văn Mạnh	Tổ phó			
	Đỗ Ngọc Anh	Thành viên			
	Vũ Minh Ngạn	Thành viên			
	Đặng Văn Kiên	Thành viên			
	Bùi Văn Đức	Thành viên			
	Hoàng Đình Phúc	Thành viên			
	Lê Huy Việt	Thành viên			
	Tăng Văn Lâm	Thành viên			
	Phạm Thị Nhàn	Thành viên			
	Nguyễn Tài Tiến	Thành viên			
30	Đặng Trung Thành	Tổ trưởng	Quản lý xây dựng	7580302	ĐH
	Trần Tuấn Minh	Tổ phó			
	Bùi Văn Đức	Thành viên			
	Đặng Văn Kiên	Thành viên			
	Ngô Xuân Hùng	Thành viên			
	Vũ Minh Ngạn	Thành viên			
	Phạm Văn Hùng	Thành viên			
	Phạm Thị Nhàn	Thành viên			
	Nguyễn Duyên Phong	Thành viên			
31	Vũ Minh Ngạn	Tổ trưởng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	ĐH
	Hoàng Đình Phúc	Tổ phó			
	Phạm Văn Hùng	Thành viên			
	Đặng Quang Huy	Thành viên			
	Nguyễn Trọng Dũng	Thành viên			
	Phạm Đức Thọ	Thành viên			
	Bùi Anh Thắng	Thành viên			
	Ngọ Thị Hương Trang	Thành viên			
32	Đỗ Ngọc Anh	Tổ trưởng	Xây dựng công trình ngầm thành phố và Hệ thống tàu điện ngầm	7580204	ĐH
	Đặng Văn Kiên	Tổ phó			
	Đặng Trung Thành	Thành viên			
	Đào Viết Doãn	Thành viên			
	Nguyễn Duyên Phong	Thành viên			
	Nguyễn Tài Tiến	Thành viên			
	Trần Tuấn Minh	Thành viên			
	Nguyễn Chí Thành	Thành viên			

	Đỗ Ngọc Thái	Thành viên			
33	Nguyễn Quốc Phi	Tổ trưởng	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	ĐH
	Nguyễn Văn Dũng	Tổ phó			
	Đào Đình Thuần	Thành viên			
	Nguyễn Thị Cúc	Thành viên			
	Vũ Thị Phương Thao	Thành viên			
	Phạm Thị Mai Hoa	Thành viên			
34	Nguyễn Bách Thảo	Tổ trưởng	Kỹ thuật Tài nguyên nước	7580212	ĐH
	Trần Vũ Long	Tổ phó			
	Đào Đức Bằng	Thành viên			
	Vũ Thu Hiền	Thành viên			
	Dương Thị Thanh Thủy	Thành viên			
	Kiều Thị Vân Anh	Thành viên			
35	Đỗ Văn Bình	Tổ trưởng	Kỹ thuật môi trường	7520320	ĐH
	Nguyễn Quốc Phi	Tổ phó			
	Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên			
	Đào Đình Thuần	Thành viên			
	Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên			
	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên			
	Trần Thị Thu Hương	Thành viên			
	Đào Trung Thành	Thành viên			
36	Nguyễn Cao Khải	Tổ trưởng	Kỹ thuật mỏ	7520601	ĐH
	Trần Quang Hiếu	Tổ phó			
	Vũ Trung Tiến	Thành viên			
	Lê Thị Thu Hoa	Thành viên			
	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên			
	Bùi Mạnh Tùng	Thành viên			
	Vũ Thái Tiến Dũng	Thành viên			
	Trần Đình Bão	Thành viên			
	Nguyễn Hoàng	Thành viên			
	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên			
37	Bùi Xuân Nam	Tổ trưởng	An toàn, Vệ sinh lao động	7850202	ĐH
	Nguyễn Anh Tuấn	Tổ phó			
	Nguyễn Hoàng	Thành viên			
	Đỗ Ngọc Hoàn	Thành viên			
	Phạm Văn Việt	Thành viên			
	Lê Thị Thu Hoa	Thành viên			
	Nguyễn Đình An	Thành viên			
38	Nhữ Thị Kim Dung	Tổ trưởng	Kỹ thuật tuyển khoáng	7520607	ĐH
	Phạm Văn Luận	Tổ phó			
	Trần Văn Được	Thành viên			
	Trần Trung Tới	Thành viên			
	Vũ Thị Chinh	Thành viên			
	Phùng Tiến Thuật	Thành viên			
39	Lê Hồng Anh	Tổ trưởng	Công nghệ thông tin	7480201	ĐH
	Nguyễn Thị Mai Dung	Tổ phó			
	Dương Thị Hiền Thanh	Thành viên			
	Nguyễn Thu Hằng	Thành viên			

	Nguyễn Duy Huy	Thành viên			
	Lê Văn Hưng	Thành viên			
	Nguyễn Thế Lộc	Thành viên			
	Hoàng Anh Đức	Thành viên			
	Diêm Công Hoàng	Thành viên			
	Trần Thị Thu Thúy	Thành viên			
	Đào Thị Thu Vân	Thành viên			
	Bùi Thị Vân Anh	Thành viên			
	Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên			
	Nguyễn Hoàng Long	Thành viên			
	Đặng Văn Nam	Thành viên			
40	Nguyễn Thị Mai Dung	Tổ trưởng	Khoa học dữ liệu	7460108	ĐH
	Nguyễn Hoàng Long	Tổ phó			
	Đặng Văn Nam	Thành viên			
	Nguyễn Thu Hằng	Thành viên			
	Trần Trung Chuyên	Thành viên			
	Trần Thị Hòa	Thành viên			
	Phạm Tuấn Cường	Thành viên			
	Nguyễn Quang Minh	Thành viên			
41	Công Tiến Dũng	Tổ trưởng	Hóa dược	7720203	ĐH
	Vũ Thị Minh Hồng	Tổ phó			
	Phạm Tiến Dũng	Thành viên			
	Lê Thị Duyên	Thành viên			
	Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên			
	Nguyễn Thu Hà	Thành viên			
	Đỗ Thị Hải	Thành viên			
	Võ Thị hạnh	Thành viên			
	Vũ Kim Thư	Thành viên			
42	Lê Hồng Anh	Tổ trưởng	Công nghệ thông tin (Việt - Anh)	7480201	ĐH
	Nguyễn Thị Mai Dung	Tổ phó			
	Nguyễn Duy Huy	Thành viên			
	Nguyễn Hoàng Long	Thành viên			
	Lê Văn Hưng	Thành viên			
	Nguyễn Thế Lộc	Thành viên			
	Dương Thị Hiền Thanh	Thành viên			
	Diêm Công Hoàng	Thành viên			
	Đào Thị Thu Vân	Thành viên			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 530 / MĐC – ĐTĐH
V/v rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2024

Kính gửi: Ban chủ nhiệm các khoa, bộ môn.

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-MĐC ngày 29/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc Ban hành Quy trình mở mới và rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-MĐC ngày 13/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Ban chỉ đạo Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; điều kiện duy trì ngành và tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 660/QĐ-MĐC ngày 13/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Ban thư ký Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; điều kiện duy trì ngành và tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-MĐC ngày 14/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Tổ công tác Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; điều kiện duy trì ngành và tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 322/MĐC-ĐTĐH ngày 01/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật đề cương chi tiết học phần;

Nhà trường yêu cầu các đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Các Khoa, bộ môn tiến hành rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo (Chương trình từng ngành kèm theo)

Các chương trình đào tạo sau khi rà soát, chỉnh sửa, cập nhật gửi về phòng Đào tạo Đại học (bản cứng có đầy đủ chữ ký theo quy định và file mềm theo mẫu)

Thông tin nhận hồ sơ:

- Thời gian: Trước **17h00 ngày 03/10/2024**
- Địa điểm: CV. Nguyễn Quốc Dũng (C 202)- nguyenquocdung@humg.edu.vn

Đề nghị Ban chủ nhiệm các khoa, bộ môn thực hiện đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (để th/hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(8).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

Phụ lục 1: Danh sách Ngành – Chương trình đào tạo

TT	Mã ngành	Tên ngành
1.	7720203	Hóa dược
2.	7440229	Quản lý phân tích dữ liệu khoa học trái đất
3.	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học
4.	7520502	Kỹ thuật Địa vật lý
5.	7520604	Kỹ thuật dầu khí
6.	7520605	Kỹ thuật khí thiên nhiên
7.	7520606	Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên
8.	7440201	Địa chất học
9.	7520501	Kỹ thuật địa chất
10.	7520505	Đá quý, đá mỹ nghệ
11.	7580211	Địa kỹ thuật xây dựng
12.	7580212	Kỹ thuật tài nguyên nước
13.	7810105	Du lịch địa chất
14.	7480206	Địa tin học
15.	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
16.	7580109	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản
17.	7850103	Quản lý đất đai
18.	7520601	Kỹ Thuật Mỏ
19.	7520607	Kỹ thuật tuyển khoáng
20.	7850202	An toàn, vệ sinh lao động
21.	7460108	Khoa học dữ liệu
22.	7480201	Công nghệ thông tin
23.	7510301	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử
24.	7520103	Kỹ thuật cơ khí
25.	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử
26.	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực
27.	7520130	Kỹ thuật Ô tô
28.	7520201	Kỹ thuật điện

TT	Mã ngành	Tên ngành
29.	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
30.	7520218	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo
31.	7580201	Kỹ thuật xây dựng
32.	7580204	Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống tàu điện ngầm
33.	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
34.	7580302	Quản lý xây dựng
35.	7520320	Kỹ thuật môi trường
36.	7850101	Quản lý Tài nguyên và môi trường
37.	7340101	Quản trị kinh doanh
38.	7340201	Tài chính – Ngân hàng
39.	7340301	Kế toán
40.	7510601	Quản lý công nghiệp

Phụ lục 2: Hướng dẫn xem, điều chỉnh file kế hoạch đào tạo và thông tin cần nộp

1. Thông tin bố trí trong file kế hoạch đào tạo

- Kế hoạch đào tạo được bố trí theo từng học kỳ, lần lượt Từ Học kỳ thứ 1 đến học kỳ cuối

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO
7480201: Công nghệ thông tin

TT	Mã môn	Tên môn	TC	Ghi chú	
Học kỳ 1					
1	7010102	Đại số tuyến tính	4.00		
2	7010103	Giải tích 1	4.00		
3	7010120	Xác suất thống kê	3.00		
4	7010601	Tiếng Anh 1	3.00		
5	7010701	Giáo dục thể chất 1	1.00		
6	7020105	Triết học Mác - Lênin	3.00		
7	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3.00		
Tổng:			21		
Học kỳ 2					
1	7010104	Giải tích 2	4.00		
2	7010111	Phương pháp tính	3.00		

- Tiếp theo là danh mục các nhóm tự chọn A, B, C của từng chuyên ngành

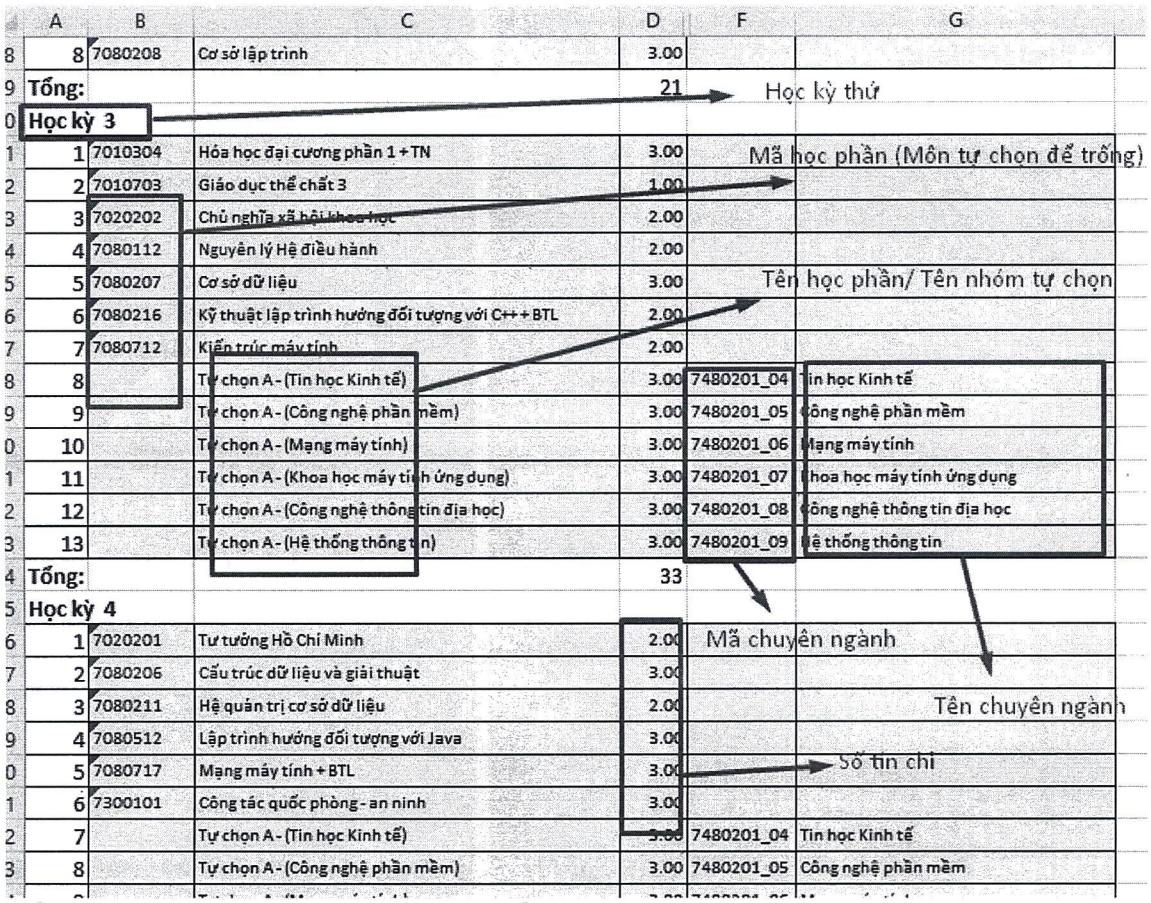
Tự chọn A_2020_7480201_08			
1	7010607	Tiếng Trung 1	3.00
2	7080636	Tin học văn phòng nâng cao	3.00
3	7080219	Lý thuyết đồ thị cho tin học	2.00
4	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thuật)	3.00
5	7010608	Tiếng Trung 2	3.00
6	7010108	Logic đại cương	3.00
7	7080121	Toán rời rạc cho CNTT	4.00
8	7080622	Tối ưu hóa thuật toán	2.00
Tự chọn A_2020_7480201_09			
1	7010108	Logic đại cương	3.00
2	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thuật)	3.00
3	7010607	Tiếng Trung 1	3.00
4	7080222	Phương pháp tính ứng dụng	3.00
5	7080219	Lý thuyết đồ thị cho tin học	2.00
6	7080636	Tin học văn phòng nâng cao	3.00
7	7080622	Tối ưu hóa thuật toán	2.00
8	7010608	Tiếng Trung 2	3.00
9	7080121	Toán rời rạc cho CNTT	4.00
Tự chọn B_2020_7480201_04			
1	7080628	Kinh tế lượng ứng dụng	3.00
2	7080627	Kinh tế thông tin	3.00

- Trong từng học kỳ sẽ được bố trí theo nguyên tắc lần lượt

Môn học bắt buộc chung theo ngành -> Chuyên ngành (Môn học bắt buộc -> Môn học tự chọn)

Học kỳ 7						
1	7080504	Điện toán đám mây và ứng dụng	2.00		
2	7080633	Kế toán máy	3.00	7480201_04	Tin học Kinh tế
3	7080616	Thuật toán hóa các bài toán kinh tế	3.00	7480201_04	Tin học Kinh tế
4		Tự chọn C - (Tin học Kinh tế)	3.00	7480201_04	Tin học Kinh tế
5		Tự chọn B - (Tin học Kinh tế)	6.00	7480201_04	Tin học Kinh tế
6	7080104	Công nghệ phần mềm	2.00	7480201_05	Công nghệ phần mềm
7	7080108	Lập trình .NET 1 + BTL	3.00	7480201_05	Công nghệ phần mềm
8	7080114	Phân tích, thiết kế hướng đối tượng với UML	2.00	7480201_05	Công nghệ phần mềm
9		Tự chọn C - (Công nghệ phần mềm)	3.00	7480201_05	Công nghệ phần mềm
10		Tự chọn B - (Công nghệ phần mềm)	6.00	7480201_05	Công nghệ phần mềm
11	7080721	Quản trị mạng + BTL	3.00	7480201_06	Mạng máy tính
12		Tự chọn C - (Mạng máy tính)	3.00	7480201_06	Mạng máy tính
13		Tự chọn B - (Mạng máy tính)	6.00	7480201_06	Mạng máy tính
14	7080508	Khai phá dữ liệu	3.00	7480201_07	Khoa học máy tính ứng dụng
15	7080515	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3.00	7480201_07	Khoa học máy tính ứng dụng
16		Tự chọn C - (Khoa học máy tính ứng dụng)	3.00	7480201_07	Khoa học máy tính ứng dụng

2. Ý nghĩa các vị trí



	A	B	C	D	F	G
8	8	7080208	Cơ sở lập trình	3.00		
9	**Tổng:**			21		
10	**Học kỳ 3**					
11	1	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3.00		
12	2	7010703	Giáo dục thể chất 3	1.00		
13	3	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00		
14	4	7080112	Nguyên lý Hệ điều hành	2.00		
15	5	7080207	Cơ sở dữ liệu	3.00		
16	6	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng với C++ + BTL	2.00		
17	7	7080712	Kiến trúc máy tính	2.00		
18	8		Tự chọn A - (Tin học Kinh tế)	3.00	7480201_04	Tin học Kinh tế
19	9		Tự chọn A - (Công nghệ phần mềm)	3.00	7480201_05	Công nghệ phần mềm
20	10		Tự chọn A - (Mạng máy tính)	3.00	7480201_06	Mạng máy tính
21	11		Tự chọn A - (Khoa học máy tính ứng dụng)	3.00	7480201_07	Khoa học máy tính ứng dụng
22	12		Tự chọn A - (Công nghệ thông tin địa học)	3.00	7480201_08	Công nghệ thông tin địa học
23	13		Tự chọn A - (Hệ thống thông tin)	3.00	7480201_09	Hệ thống thông tin
24	**Tổng:**			33		
25	**Học kỳ 4**					
26	1	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00		
27	2	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00		
28	3	7080211	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2.00		
29	4	7080512	Lập trình hướng đối tượng với Java	3.00		
30	5	7080717	Mạng máy tính + BTL	3.00		
31	6	7300101	Công tác quốc phòng - an ninh	3.00		
32	7		Tự chọn A - (Tin học Kinh tế)	3.00	7480201_04	Tin học Kinh tế
33	8		Tự chọn A - (Công nghệ phần mềm)	3.00	7480201_05	Công nghệ phần mềm

3. Tổng hợp chỉnh sửa, cập nhật kế hoạch đào tạo và nộp

- Cập nhật thông tin điều chỉnh vào file kế hoạch đào tạo (Giữ đúng cấu trúc **file kế hoạch đào tạo**)
- Tổng hợp các thông tin cần điều chỉnh vào mẫu tổng hợp

VD: Nếu ngành CNTT cần điều chỉnh

Thêm Môn 7010114 vào học kỳ 1

TỔNG HỢP NỘI DUNG RÀ SOÁT, CHỈNH SỬA, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO						
	Mã ngành	7480201				
	Tên ngành	Công nghệ thông tin				
TT	**Mã môn**	**Tên môn**	**Số TC**	**Loại chỉnh sửa**	**Học kỳ**	**Chi tiết nội dung**
1	7010114	Toán cao cấp 1	3.00	Thêm	1	Thêm vào học kỳ 1

Bớt môn 7010114 ở học kỳ 2

TỔNG HỢP NỘI DUNG RÀ SOÁT, CHỈNH SỬA, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO						
	Mã ngành	7480201				
	Tên ngành	Công nghệ thông tin				
TT	**Mã môn**	**Tên môn**	**Số TC**	**Loại chỉnh sửa**	**Học kỳ**	**Chi tiết nội dung**
1	7010114	Toán cao cấp 1	3.00	Thêm	1	Thêm vào học kỳ 1
2	7010114	Toán cao cấp 1	3.00	Bớt	2	Bớt đi ở học kỳ 2
	7010114	Toán cao cấp 1	3.00	Điều chỉn	Nhóm Tự Chọn	Thêm vào nhóm học tự chọn A
...	...	...	...			

Thêm môn vào danh mục tự chọn A

TỔNG HỢP NỘI DUNG RÀ SOÁT, CHỈNH SỬA, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO						
	Mã ngành	7480201				
	Tên ngành	Công nghệ thông tin				
TT	**Mã môn**	**Tên môn**	**Số TC**	**Loại chỉnh sửa**	**Học kỳ**	**Chi tiết nội dung**
1	7010114	Toán cao cấp 1	3.00	Thêm	1	Thêm vào học kỳ 1
2	7010114	Toán cao cấp 1	3.00	Bớt	2	Bớt đi ở học kỳ 2
	7010114	Toán cao cấp 1	3.00	Điều chỉnh	Nhóm Tự Chọn	Thêm vào nhóm học tự chọn A
...	...	...	...			

Lưu ý: Chọn đầy đủ loại chỉnh sửa và học kỳ, Bổ sung chi tiết nội dung (nếu có) tương ứng với các chỉnh sửa

- Yêu cầu nộp (kế hoạch sau khi chỉnh sửa và Bảng tổng hợp rà soát):
  - Bản cứng: In, ký đầy đủ Khoa, Bộ môn trước khi nộp
  - Bản mềm: Gửi qua email: nguyenquocdung@humg.edu.vn

TỔNG HỢP NỘI DUNG RÀ SOÁT, CHỈNH SỬA, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã ngành 7480201

Tên ngành Công nghệ thông tin

TT	Mã môn	Tên môn	Số TC	Loại chỉnh sửa	Học kỳ	Chi tiết nội dung
1	7010114	Toán cao cấp 1	3.00	Thêm	1	Thêm vào học kỳ 1
2	7010114	Toán cao cấp 1	3.00	Bớt	2	Bớt đi ở học kỳ 2
	7010114	Toán cao cấp 1	3.00	Điều chỉnh	Nhóm Tự Chọn	Thêm vào nhóm học tự chọn A
...	...	...	...			
...	...	...	...			
...	...	...	...			
...	...	...	...			
...	...	...	...			
...	...	...	...			

BỘ MÔN **KHOA QUẢN LÝ**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 535/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy 4,5 năm của các ngành đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGD ĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa c hất về việc ban hành "Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ"

Căn cứ Quyết định số 830/QĐ-MĐC ngày 29/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy 4 năm;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-MĐC ngày 28/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Thông báo số 128/TB-MĐC ngày 17/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo theo định hướng CDIO;

Căn cứ vào Biên bản số 26/BBHĐKHĐT-MĐC họp Hội đồng khoa học và đào tạo ngày 25 tháng 06 năm 2020 của Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy 4,5 năm của các ngành đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Kế hoạch tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(8)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

(Kèm theo Quyết định số 535/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ-Địa chất)

TT	Mã số	Tên ngành	Chuyên ngành
1	7340101	Quản trị kinh doanh	1.1. Quản trị kinh doanh
			1.2. Quản trị kinh doanh Dầu khí
			1.3. Quản trị kinh doanh Mỏ
			1.4. Quản trị thương mại điện tử
2	7340301	Kế toán	2.1. Kế toán doanh nghiệp
			2.2. Kế toán tài chính công
3	7340201	Tài chính - Ngân hàng	3.1. Tài chính doanh nghiệp
4	7480201	Công nghệ thông tin	4.1. Tin học Kinh tế
			4.2. Công nghệ phần mềm
			4.3. Mạng máy tính
			4.4. Khoa học máy tính ứng dụng
			4.5. Công nghệ thông tin địa học
			4.6. Hệ thống thông tin
5	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	5.1. Lọc - Hóa dầu
6	7520103	Kỹ thuật cơ khí	6.1. Máy và Thiết bị mỏ
			6.2. Máy và Tự động thủy khí
			6.3. Công nghệ chế tạo máy
			6.4. Cơ khí ô tô
7	7520201	Kỹ thuật điện	7.1. Điện công nghiệp
			7.2. Hệ thống điện
			7.3. Điện - Điện tử
			7.4. Điện khí hóa mỏ
8	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động	8.1. Tự động hóa
9	7520320	Kỹ thuật môi trường	9.1. Địa sinh thái và Công nghệ môi trường
			9.2. Kỹ thuật môi trường
10	7520501	Kỹ thuật địa chất	10.1. Kỹ thuật địa chất
			10.2. Địa chất công trình - Địa kỹ thuật
			10.3. Địa chất thủy văn - Địa chất công trình
			10.4. Nguyên liệu khoáng
			10.5. Địa chất thăm dò
11	7520502	Kỹ thuật địa vật lý	11.1. Địa vật lý
12	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	12.1. Trắc địa
			12.2. Trắc địa mỏ - công trình
			12.3. Địa chính
			12.4. Bản đồ
			12.5. Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý
			12.6. Trắc địa – bản đồ
13	7520601	Kỹ thuật mỏ	13.1. Khai thác mỏ
14	7520604	Kỹ thuật dầu khí	14.1. Khoan khai thác
			14.2. Khoan thăm dò - khảo sát
			14.3. Thiết bị dầu khí

			14.4. Địa chất dầu khí
15	7520607	Kỹ thuật tuyển khoáng	15.1. Tuyển khoáng và Tuyển - luyện quặng kim loại
16	7580201	Kỹ thuật xây dựng	16.1. Xây dựng công trình ngầm và mỏ
			16.2. Xây dựng công trình ngầm
			16.3. Xây dựng dân dụng và công nghiệp
			16.4. Xây dựng hạ tầng cơ sở
17	7850103	Quản lí đất đai	17.1. Quản lí đất đai
18	7440201	Địa chất học	18.1. Địa chất học
			18.2. Địa chất đô thị
19	7520301	Kỹ thuật Hóa học	19.1. Lọc - Hóa dầu
20	7580211	Địa kỹ thuật xây dựng	20.1. Địa kỹ thuật xây dựng
21	7480206	Địa tin học	21.1. Địa tin học

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1420/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy của các ngành đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định điều kiện, trình tự thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng Trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-MĐC ngày 29/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy trình mở mới và rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 737/QĐ-MĐC ngày 24/06/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất Ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình mở mới và rà soát điều chỉnh Chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-MĐC ngày 13/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Ban chỉ đạo Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; điều kiện duy trì ngành và tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 660/QĐ-MĐC ngày 13/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Ban thư ký Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; điều kiện duy trì ngành và tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-MĐC ngày 14/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập tổ công tác rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo; điều kiện duy trì ngành và tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 322/MĐC-ĐTĐH ngày 01/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 530/MĐC-ĐTĐH ngày 23/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 644/MĐC-ĐTĐH ngày 15/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo ngày 12/12/2024 của Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy của các ngành đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đảm Bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các khoa, các bộ môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này .

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(8).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

(Kèm theo Quyết định số 1420 /QĐ - MĐC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Mã ngành	Tên ngành
1	7220201	Ngôn ngữ Anh
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc
3	7340101	Quản trị kinh doanh
4	7340201	Tài chính - Ngân hàng
5	7340301	Kế toán
6	7440201	Địa chất học
7	7440229	Quản lý và phân tích dữ liệu khoa học
8	7460108	Khoa học dữ liệu
9	7480201	Công nghệ thông tin
10	7480206	Địa tin học
11	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
12	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học
13	7510601	Quản lý công nghiệp
14	7520103	Kỹ thuật cơ khí
15	7520107 (7520218)	Kỹ thuật Robot (Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo)
16	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử
17	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực
18	7520121	Kỹ thuật không gian
19	7520130	Kỹ thuật ô tô
20	7520201	Kỹ thuật điện
21	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
22	7520301	Kỹ thuật hoá học
23	7520309	Kỹ thuật vật liệu
24	7520320	Kỹ thuật môi trường
25	7520501	Kỹ thuật địa chất
26	7520502	Kỹ thuật địa vật lý
27	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
28	7520505	Đá quý Đá mỹ nghệ
29	7520601	Kỹ thuật mỏ

TT	Mã ngành	Tên ngành
30	7520604	Kỹ thuật dầu khí
31	7520605	Kỹ thuật khí thiên nhiên
32	7520606	Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên
33	7520607	Kỹ thuật tuyển khoáng
34	7580106	Quản lý đô thị và công trình
35	7580109	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản
36	7580201	Kỹ thuật xây dựng
37	7580204	Xây dựng công trình ngầm thành phố và Hệ thống tàu điện ngầm
38	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
39	7580211	Địa kỹ thuật xây dựng
40	7580212	Kỹ thuật tài nguyên nước
41	7580302	Quản lý xây dựng
42	7720203	Hoá dược
43	7810105	Du lịch địa chất
44	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
45	7850103	Quản lý đất đai
46	7850196	Quản lý tài nguyên khoáng sản
47	7850202	An toàn, Vệ sinh lao động

Tổng số 47./.